

Số: 202/HD-PNV

Gò Vấp, ngày 14 tháng 3 năm 2017

## HƯỚNG DẪN

### Một số nội dung liên quan đến hồ sơ giải quyết chính sách tinh giản biên chế

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Hướng dẫn số 2292/HD-SNV ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Sở Nội vụ về triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

Trong thời gian qua, Phòng Nội vụ đã có Công văn số 595/PNV ngày 18 tháng 7 năm 2016 hướng dẫn gửi hồ sơ đề nghị giải quyết tinh giản biên chế đợt 1 năm 2017; trong đó đã hướng dẫn hồ sơ của đối tượng tinh giản biên chế **làm thành 03 bộ** và nộp về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ) để thực hiện quy trình làm hồ sơ tinh giản biên chế, thời hạn nộp hồ sơ gửi **tối thiểu 03 tháng** trước thời điểm đề nghị tinh giản biên chế (*Ví dụ*: Thời điểm đề nghị tinh giản biên chế vào ngày 01 tháng 5 thì hồ sơ của cơ quan, đơn vị phải hoàn chỉnh và gửi về Phòng Nội vụ chậm nhất vào đầu tháng 02 năm đó). Tuy nhiên, việc phối hợp triển khai thực hiện tại một số cơ quan, đơn vị chưa thật đồng bộ; nhiều trường hợp cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị hoặc Ủy ban nhân dân 16 phường tự liên hệ trực tiếp với Phòng Nội vụ tiếp tục đề nghị hướng dẫn chi tiết, cụ thể; trong khi Thủ trưởng của cơ quan, đơn vị chưa ký hồ sơ và gửi đến Phòng Nội vụ theo quy định.

Căn cứ Quyết định số 6710/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; trong đó, Đề án tinh giản biên chế của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp đã được phê duyệt. Nhằm kịp thời phối hợp triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo đúng quy định của pháp luật; qua tìm hiểu, một số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn (theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP), nhất là một số người đứng đầu của cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân phường vẫn chưa hiểu rõ về đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế và chưa nắm chắc về điều kiện được hưởng chế độ, chính sách khi về hưu trước tuổi hoặc chính sách cho thôi việc ngay đối với người chưa đủ điều kiện nghỉ hưu theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC.

Nay Phòng Nội vụ tiếp tục hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc lập hồ sơ thực hiện chính sách tinh giản biên chế để Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường hiểu rõ và phối hợp hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định.

#### **1. Quy định chung về đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế:**

Trước mắt, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục đầy đủ cho cán bộ, công chức, viên chức nắm chắc và hiểu rõ các quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC; trong đó:

- Tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đã quy định rõ: “*Tinh giản biên chế là việc đánh giá, phân loại, đưa ra khỏi biên chế những người dôi dư, không đáp ứng yêu cầu công việc, không thể tiếp tục bố trí, sắp xếp công tác khác và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người thuộc diện tinh giản biên chế*”.

- Tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đã quy định rất cụ thể về đối tượng áp dụng, bao gồm: “*Cán bộ, công chức từ Trung ương đến cấp xã*”; tại Khoản 1 Điều 6 quy định các trường hợp tinh giản biên chế, bao gồm: “*Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và cán bộ, công chức cấp xã hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật*”, thuộc đối tượng tinh giản biên chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) *Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự;*

b) *Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;*

c) *Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn;*

d) *Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác.*

đ) *Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.*

e) *Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.*

g) *Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, mỗi năm có tổng số ngày nghỉ làm việc là số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành”.*

- Ngoài ra, đối với viên chức, những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn, viên chức quản lý trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, những người làm việc trong các Hội... cũng thuộc diện tinh giản biên chế nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

## **2. Hướng dẫn một số chế độ, chính sách khi thực hiện tinh giản biên chế:**

Trong Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính đã hướng dẫn rất cụ thể và quy định có nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ, áp dụng đối với các trường hợp thuộc diện tinh giản biên chế, cơ bản như sau:

### a) Chính sách về hưu trước tuổi:

(i) Những đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định chung nêu trên, **nếu đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 48 tuổi đối với nữ**, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, **ngoài hưởng chế độ hưu trí** theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, **còn được hưởng các chế độ** sau:

+ **Không bị trừ tỷ lệ lương hưu** do việc nghỉ hưu trước tuổi;

+ **Được trợ cấp 03 tháng tiền lương** cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại Điểm b Khoản 1 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội;

+ **Được trợ cấp 05 tháng tiền lương** cho 20 năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội **được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương**.

**Ví dụ 1:** Ông Nguyễn Văn A, **52 tuổi 02 tháng**, thuộc diện tinh giản biên chế, **nghỉ hưu trước tuổi** từ ngày 01 tháng 02 năm 2018, ông có thời gian công tác đóng BHXH là 28 năm 02 tháng (20 năm + 08 năm 02 tháng); trong đó có 16 năm làm việc ở huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng (có hệ số phụ cấp khu vực 0,7), hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng theo mã ngạch 01.003, bậc 9 (4,98) từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

- Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi cho Ông A được tính bằng bình quân tiền lương thực lĩnh của 5 năm cuối (**60 tháng**) kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018.

- Diễn biến hệ số lương, mức tiền lương theo ngạch, bậc của Ông A từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018, như sau:

• Từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013 (**05 tháng**), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 7 (4,32). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 4.536.000đ;

• Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đến ngày 30 tháng 4 năm 2014 (**10 tháng**), hệ số lương ngạch 01.003, bậc 7 (4,32). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 4.968.000đ;

• Từ ngày 01 tháng 5 năm 2014 đến ngày 30 tháng 4 năm 2016 (**24 tháng**), hệ số lương ngạch 01.003, bậc 8 (4,65). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 5.347.500đ;

• Từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 đến ngày 30 tháng 4 năm 2017 (**12 tháng**), hệ số lương ngạch 01.003, bậc 9 (4,98). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 5.626.500đ;

• Từ ngày 01 tháng 5 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (**02 tháng**), hệ số lương ngạch 01.003, bậc 9 (4,98). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 6.205.800đ;

• Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018 (**07 tháng**), hệ số lương ngạch 01.003, bậc 9 (4,98). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 6.474.000đ.

- Tiền lương bình quân của Ông A thực lĩnh trong 05 năm cuối (**60 tháng**) trước khi tinh giản biên chế là:

$$[(4.536.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ tháng}) + (4.968.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng}) + (5.347.500 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng}) + (5.626.500 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng}) + (6.205.800 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng}) + (6.474.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng})] / 60 = 5.426.460 \text{ đồng/tháng.}$$

⇒ Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi cho Ông A là 5.426.460 đồng.

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp làm tròn là 28 năm.

- Ông A nghỉ hưu trước: 55 tuổi - 52 tuổi 02 tháng = 02 năm 10 tháng.

02 năm nghỉ hưu trước tuổi được trợ cấp số tháng tiền lương là:  $02 \times 03 = 06$  tháng; 10 tháng lẻ nghỉ hưu trước tuổi được trợ cấp 02 tháng tiền lương.

- Ông A được hưởng các khoản trợ cấp sau:

• Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định:  $[(06 \text{ tháng} + 02 \text{ tháng}) \times 5.426.460 \text{ đồng}] = 43.411.680 \text{ đồng}$ ;

• Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội là:  $05 \text{ tháng} \times 5.426.460 \text{ đồng} = 27.132.300 \text{ đồng}$ ;

• Trợ cấp do có trên 20 năm đóng bảo hiểm xã hội (08 năm 02 tháng) là:  $08 \text{ năm} \times 1/2 \times 5.426.460 \text{ đồng} = 21.705.840 \text{ đồng}$ .

⇒ Tổng số tiền trợ cấp ông A được lĩnh theo chính sách nghỉ hưu trước tuổi là:  $(43.411.680 \text{ đồng} + 27.132.300 \text{ đồng} + 21.705.840 \text{ đồng}) = 92.249.820 \text{ đồng}$ .

(ii) Những đối tượng nêu trên, **nếu đủ 55 tuổi đến đủ 58 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nữ**, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, **được hưởng chế độ hưu trí** theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và chế độ quy định tại Điểm a, c Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và **được trợ cấp 03 tháng tiền lương** cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội.

\* **Ví dụ 2:** Ông Nguyễn Văn B, sinh ngày ngày 13 tháng 3 năm 1960, thuộc diện tinh giản biên chế, thời điểm tinh giản biên chế ngày 01 tháng 3 năm 2018, có thời gian đóng BHXH là 25 năm 02 tháng. Tại thời điểm ngày 01 tháng 3 năm 2018, ông A **gần đủ 58 tuổi**, nên ông B được hưởng chính sách **về hưu trước tuổi** theo quy định tại **Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch 01/2015/TTLT-BNV-BTC**.

\* **Ví dụ 3:** Ông Nguyễn Văn Đ, **55 tuổi 8 tháng**, thuộc diện tinh giản biên chế, **nghỉ hưu trước tuổi** từ ngày 01 tháng 02 năm 2018, có thời gian công tác đóng BHXH là 33 năm 9 tháng (*20 năm + 13 năm 9 tháng*), hệ số lương hiện hưởng theo chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (viên chức loại A2, nhóm 1), bậc 3 (5,08) từ ngày 01 tháng 7 năm 2016; hệ số phụ cấp chức vụ 0,4 từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi cho Ông Đ được tính bằng bình quân tiền lương thực lĩnh của 5 năm cuối (*60 tháng*) kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018.

- Diễn biến hệ số lương, mức tiền lương theo chức danh nghề nghiệp, ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ (gọi tắt là mức tiền lương theo ngạch, bậc) của Ông Đ từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018:

• Từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013 (*05 tháng*), hệ số lương ngạch V.08.01.02, bậc 1 (4,40). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 4.620.000đ;

• Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2014 (*12 tháng*), hệ số lương ngạch V.08.01.02, bậc 1 (4,40). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 5.060.000đ;

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến 30 tháng 4 năm 2016 (22 tháng), hệ số lương ngạch V.08.01.02, bậc 2 (4,74). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 5.451.000đ;
- Từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 đến 30 tháng 6 năm 2016 (02 tháng), hệ số lương ngạch V.08.01.02, bậc 2 (4,74). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 5.735.400đ;
- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến 30 tháng 4 năm 2017 (10 tháng), hệ số lương theo chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II, mã số V.08.01.02), bậc 3 (5,08), hệ số phụ cấp chức vụ 0,4. Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 6.219.400 đồng;
- Từ ngày 01 tháng 5 năm 2017 đến 30 tháng 6 năm 2017 (02 tháng), hệ số lương theo chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II, mã số V.08.01.02), bậc 3 (5,08), hệ số phụ cấp chức vụ 0,4. Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 6.630.800 đồng;
- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến 31 tháng 01 năm 2018 (07 tháng), hệ số lương theo chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II, mã số V.08.01.02), bậc 3 (5,08), hệ số phụ cấp chức vụ 0,4. Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 7.124.000 đồng.

- Tiền lương bình quân của Ông B thực lĩnh trong 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản biên chế là:

$[(4.620.000 \text{ đ} \times 05 \text{ tháng}) + (5.060.000 \text{ đ} \times 12 \text{ tháng}) + (5.451.000 \text{ đ} \times 22 \text{ tháng}) + (5.735.400 \text{ đ} \times 02 \text{ tháng}) + (6.219.400 \text{ đ} \times 10 \text{ tháng}) + (6.630.800 \text{ đ} \times 02 \text{ tháng}) + (7.124.000 \text{ đ} \times 07 \text{ tháng})] / 60 = 5.675.607 \text{ đồng/tháng.}$

⇒ Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi cho ông Đ: 5.675.607đ.

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp làm tròn là 34 năm.

- Ông Đ nghỉ hưu trước: 60 tuổi - 55 tuổi 08 tháng = 04 năm 04 tháng

• 04 năm nghỉ hưu trước tuổi được trợ cấp số tiền lương là: 04 x 03 = 12 tháng;

• 04 tháng lễ nghỉ hưu trước tuổi được trợ cấp 01 tháng tiền lương.

- Ông Đ được hưởng các khoản trợ cấp sau:

• Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định: (12 tháng + 01 tháng) x 5.675.607 đồng = 73.782.887 đồng;

• Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội là: 05 tháng x 5.675.607 đồng = 28.378.033 đồng;

• Trợ cấp do có trên 20 năm đóng bảo hiểm xã hội (13 năm 09 tháng làm tròn là 14 năm) là: 14 năm x 1/2 x 5.675.607 đồng = 39.729.247 đồng.

⇒ Tổng số tiền trợ cấp ông Đ sẽ được lĩnh theo chính sách nghỉ hưu trước tuổi là: (73.782.887 đồng + 28.378.033 đồng + 39.729.247 đồng) = **141.890.167 đồng.**

(iii) Những đối tượng nêu trên, **nếu trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nam, trên 48 tuổi đến dưới 50 tuổi đối với nữ**, có thời gian đóng BHXH đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, thì **được hưởng chế độ hưu trí** theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và **không bị trừ tỷ lệ lương hưu** do việc nghỉ hưu trước tuổi.

(iv) Những đối tượng nêu trên, **nếu trên 58 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ**, có thời gian đóng BHXH đủ 20 năm trở lên thì **được hưởng chế độ hưu trí** theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và **không bị trừ tỷ lệ lương hưu** do việc nghỉ hưu trước tuổi.

\* **Ví dụ 4:** Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1965, thuộc diện tinh giản biên chế, dự kiến thời điểm tinh giản biên chế từ ngày 01 tháng 3 năm 2018, có thời gian đóng BHXH là 23 năm. Tại thời điểm ngày 01 tháng 3 năm 2018, bà C đã **trên 53 tuổi**, nên bà C chỉ **được hưởng chế độ hưu trí** theo quy định của pháp luật về BHXH và **không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi** theo quy định tại **Khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch 01/2015/TTLT-BNV-BTC**.

#### **b) Chính sách thôi việc:**

(i) Những đối tượng nêu trên, **nếu có tuổi đời dưới 53 tuổi đối với nam, dưới 48 tuổi đối với nữ** và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP hoặc **có tuổi đời dưới 58 tuổi đối với nam, dưới 53 tuổi đối với nữ** và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, nếu thôi việc ngay (*có đơn thôi việc theo nguyện vọng*) thì được hưởng các trợ cấp:

+ Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

+ Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

\* **Ví dụ 5:** Bà Nguyễn Thị E, **47 tuổi**, nhân viên đánh máy thuộc diện tinh giản biên chế, được giải quyết **thôi việc ngay** từ ngày 01 tháng 02 năm 2018, có hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng theo ngạch công chức loại C2, ngạch nhân viên, mã ngạch 01.005, bậc 9 (2,94) từ ngày 01 tháng 5 năm 2017, có thời gian công tác đóng BHXH là 18 năm 09 tháng.

- Tiền lương tháng hiện hưởng của bà E là:  $2,76 \times 1.210.000 \text{ đồng} = 3.339.600 \text{ đồng}$ .

- Tiền lương để tính trợ cấp tìm việc của bà E tại thời điểm tinh giản biên chế (*thời điểm lương tháng 01 năm 2018*) là:  $2,76 \times 1.210.000 \text{ đồng} = 3.588.000 \text{ đồng}$ .

- Tiền lương tháng để tính trợ cấp thôi việc theo thời gian làm việc có đóng BHXH cho bà E được tính bằng bình quân tiền lương tháng theo ngạch, bậc thực lĩnh của 05 năm cuối (*60 tháng*), kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018.

- Diễn biến hệ số lương, mức tiền lương theo ngạch, bậc của bà E từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018, như sau:

• Từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày 30 tháng 4 năm 2013 (*03 tháng*), hệ số lương ngạch nhân viên loại C2, bậc 6 (2,40). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 2.520.000 đồng;

• Từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 (*02 tháng*), hệ số lương ngạch nhân viên loại C2, bậc 7 (2,58). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 2.709.000 đồng;

• Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đến ngày 30 tháng 4 năm 2015 (22 tháng), hệ số lương ngạch nhân viên loại C2, bậc 7 (2,58). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 2.967.000 đồng;

• Từ ngày 01 tháng 5 năm 2015 đến ngày 30 tháng 4 năm 2016 (12 tháng), hệ số lương ngạch nhân viên loại C2, bậc 8 (2,76). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 3.174.000 đồng;

• Từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 đến ngày 30 tháng 4 năm 2017 (12 tháng), hệ số lương ngạch nhân viên loại C2, bậc 8 (2,76). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 3.339.600 đồng;

• Từ ngày 01 tháng 5 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 (02 tháng), hệ số lương ngạch nhân viên loại C2, bậc 9 (2,94). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 3.557.400 đồng.

• Từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018 (07 tháng), hệ số lương ngạch nhân viên loại C2, bậc 9 (2,94). Mức tiền lương theo ngạch, bậc là 3.822.000 đồng.

- Tiền lương bình quân của bà E thực lĩnh trong 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản biên chế là:

$$[(2.520.000 \text{ đ} \times 03 \text{ tháng}) + (2.709.000 \text{ đ} \times 02 \text{ tháng}) + (2.967.000 \text{ đ} \times 22 \text{ tháng}) + (3.174.000 \text{ đ} \times 12 \text{ tháng}) + (3.339.600 \text{ đ} \times 12 \text{ tháng}) + (3.557.400 \text{ đ} \times 02 \text{ tháng}) + (3.822.000 \text{ đ} \times 07 \text{ tháng})] / 60 = 3.171.400 \text{ đồng/tháng.}$$

⇒ Tiền lương tháng để tính trợ cấp theo thời gian làm việc có đóng BHXH cho bà E là: 3.171.400 đồng.

- Số năm đóng BHXH để tính trợ cấp làm tròn là 19 năm.

- Bà E được hưởng các khoản trợ cấp sau:

• Trợ cấp tìm việc:  $03 \times 3.588.000 \text{ đồng} = 10.764.000 \text{ đồng};$

• Trợ cấp thôi việc:  $(1,5 \times 3.171.400 \text{ đồng} \times 19 \text{ năm}) = 90.384.900 \text{ đồng.}$

⇒ Tổng số tiền bà E được nhận khi thôi việc ngay theo chính sách tinh giản biên chế là:  $(10.764.000 \text{ đồng} + 90.384.900 \text{ đồng}) = 101.148.900 \text{ đồng.}$

(ii) Những đối tượng nêu trên được hưởng các chế độ, chính sách thôi việc sau khi đi học nghề theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

(iii) Các đối tượng thôi việc nêu trên, được bảo lưu thời gian đóng BHXH và cấp sổ BHXH hoặc nhận trợ cấp BHXH một lần theo quy định của Luật BHXH; không được hưởng chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

c) Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác có phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới thấp hơn do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền:

Cán bộ, công chức, viên chức do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự phải thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng thì **được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo** đang hưởng **đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ bầu cử**. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm hoặc nhiệm kỳ bầu cử còn **dưới 06 tháng** thì **được bảo lưu 06 tháng**.

**3. Một số lưu ý khi triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế từ nay đến năm 2021:**

**a) Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường:**

Căn cứ Điều 17 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; trong đó cần lưu ý các nội dung trọng tâm như sau:

- Khẩn trương phối hợp với Cấp ủy và Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp tổ chức rà soát, đối chiếu với quy định chung về đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế và các chế độ, chính sách khi thực hiện tinh giản biên chế theo hướng dẫn nêu trên; lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, nộp về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ) **tối thiểu 03 tháng** trước thời điểm đề nghị thực hiện tinh giản biên chế để Phòng Nội vụ tổng hợp, gửi danh sách đến Sở Nội vụ.

\* *Lưu ý:* Đối với các đối tượng thuộc biên chế của các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, hồ sơ gửi đến Ban Tổ chức Quận ủy để tổng hợp theo quy định.

- Hàng năm, chỉ được tuyển dụng số cán bộ, công chức, viên chức mới không quá **50%** số cán bộ, công chức, viên chức đã ra khỏi biên chế sau khi thực hiện tinh giản biên chế và không quá **50%** số biên chế của cán bộ, công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quận.

\* *Lưu ý:* Từ nay đến năm 2021, Phòng Nội vụ sẽ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giao biên chế mỗi năm theo hướng: từng cơ quan, đơn vị thuộc quận phải thực hiện giảm biên chế từ **1,5%** đến **2%** biên chế công chức hành chính và biên chế sự nghiệp được giao so với năm 2015; các đơn vị sự nghiệp chưa giảm được biên chế sự nghiệp năm 2016 so với biên chế được giao năm 2015, thì trong năm 2017 phải giảm **tối thiểu 3%** của biên chế được giao so với năm 2015.

- Riêng đối với Ủy ban nhân dân 16 phường: Số lượng biên chế được giao hàng năm căn cứ theo số lượng, chức danh quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố, trừ đi số lượng đã thực hiện tinh giản biên chế và nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc hàng năm (áp dụng theo tỷ lệ % nêu trên khi tuyển dụng cán bộ, công chức mới).

**b) Hồ sơ đề nghị tinh giản biên chế:**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường có trách nhiệm xem xét, ký duyệt từng hồ sơ cụ thể đối với các đối tượng đề nghị tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị mình quản lý, **lập thành 03 bộ** và gửi đến Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ) đúng thời hạn nêu trên; bao gồm:



(i) Văn bản của cấp có thẩm quyền xác định đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động... (như: Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc các văn bản có liên quan đến việc tuyển dụng nhân sự của cấp có thẩm quyền);

(ii) Sổ BHXH hoặc các văn bản có liên quan đến việc xác nhận quá trình đóng BHXH (bản sao) theo quy định của Luật BHXH;

(iii) Các Quyết định về xếp lương, nâng lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, phụ cấp chức vụ (nếu có), phụ cấp thâm niên (nếu có), phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)... được hưởng trong thời hạn **05 năm (60 tháng)** kể từ ngày đề nghị tinh giản biên chế (bản sao);

(iv) Bảng kê cụ thể diễn biến lương, phụ cấp lương (nếu có), mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) và thời gian hưởng lương của từng đối tượng đề nghị tinh giản biên chế trong thời hạn **05 năm (60 tháng)** kể từ ngày đề nghị tinh giản biên chế để tính lương bình quân (*Lưu ý tính mức lương tối thiểu phải phù hợp với từng thời điểm*);

(v) Hồ sơ có liên quan đến việc xác định đối tượng đủ điều kiện tinh giản biên chế theo quy định tại **Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP** và **Điều 2 Thông tư liên tịch 01/2015/TTLT-BNV-BTC**.

### c) Chế độ thông tin, báo cáo:

Căn cứ Hướng dẫn số 2292/HD-SNV ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Sở Nội vụ về triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; đề nghị thực hiện như sau:

- Hàng năm, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường chủ động rà soát, báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế (**mẫu số 3**); kết quả giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định của pháp luật (**mẫu số 4**) gửi về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ) chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm.

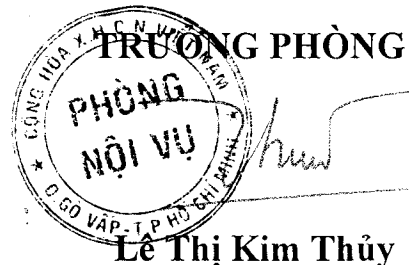
- Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp chung danh sách tinh giản biên chế và quyết toán kinh phí thực hiện (**mẫu số 5**), tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ và Sở Tài chính) chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Quá trình triển khai, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc; đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường sớm có văn bản kiến nghị, gửi đến Phòng Nội vụ để được hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Sở Nội vụ: P.TCBC;
- Thường trực HĐND quận;
- UBND quận: CT và các PCT;
- Thường trực Đảng ủy CQCQ;
- Trưởng Ban Tổ chức Quận ủy;
- Như mục 3 (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, HS.108-PNV (Nga).

(để  
báo  
cáo)



**MẪU SỐ 3**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ NĂM ...  
CỦA PHÒNG/BAN/ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ...**

*(Đính kèm Hướng dẫn số 202/HD-PNV ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Phòng Nội vụ)*

STT	Đối tượng	Số người được hưởng chính sách tính giảm biên chế năm ...					Kinh phí chi cho tính giảm biên chế năm .... (1.000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang các cơ sở	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Kinh phí chi cho người về hưu trước tuổi	Kinh phí chi cho những người chuyển sang cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Kinh phí chi cho những người thôi việc ngay	Kinh phí chi cho những người thôi việc sau khi đi học nghề
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Cán bộ										
II	Công chức										
III	Viên chức										
IV	Người quản lý doanh nghiệp NN										
V	Các tổ chức Hội										
<b>TỔNG CỘNG</b>											

Gò Vấp, ngày tháng năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Phòng Nội vụ (để tổng hợp kết quả);
- Phòng Tài chính - Kế hoạch (để quyết toán kinh phí tạm cấp).

**\* Ghi chú:**

- Cột 1 = Cột 2 + cột 3 + cột 4 + cột 5;
- Cột 6 = cột 7 + cột 8 + cột 9 + cột 10
- Báo cáo theo định kỳ 15/11 các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

**MẪU SỐ 4**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ NGHỈ HƯU ĐÚNG TUỔI  
VÀ THÔI VIỆC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT NĂM ...  
CỦA PHÒNG/BAN/ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ...**

*(Đính kèm Hướng dẫn số 202/HD-PNV ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Phòng Nội vụ)*

STT	Đối tượng	Số người nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định của pháp luật		
		Tổng số	Số người nghỉ hưu đúng tuổi	Số người thôi việc theo quy định của pháp luật
	A	1	2	3
I	Cán bộ			
II	Công chức			
III	Viên chức			
IV	Người quản lý doanh nghiệp NN			
V	Các tổ chức Hội			
	<b>Tổng cộng:</b>			

**Nơi nhận:**

- Phòng Nội vụ (để tổng hợp kết quả);
- Phòng Tài chính - Kế hoạch (để quyết toán kinh phí tạm cấp).

**\* Ghi chú:**

- Cột 1 = Cột 2 + cột 3;
- Báo cáo theo định kỳ 15/11 các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

Gò Vấp, ngày tháng năm  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**MẪU SỐ 5**

**TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT ... NĂM ... CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

*Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

*(Đính kèm Hướng dẫn số 202/HD-PNV ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Phòng Nội vụ)*

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do bảo hiểm xã hội (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
I. Khối hành chính																											
II. Khối sự nghiệp																											
III. Khối doanh nghiệp																											
IV. Các tổ chức hội																											
<b>TỔNG CỘNG</b>																											

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ (để thẩm tra);
- Sở Tài chính (để kiểm tra, cấp kinh phí).

\* Ghi chú: Cột 14, 15 để nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của 05 năm cuối trước khi tính giản biên chế.

Gò Vấp, ngày ... tháng ... năm ...  
**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên và đóng dấu)*

## BẢNG TÍNH TRỢ CẤP CỦA VÍ DỤ 1

(Đính kèm Hướng dẫn số 202/HD-PNV ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Phòng Nội vụ)

NGUYỄN VĂN A

52 tuổi 2 tháng nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/2/2018  
 thời gian công tác đóng BHXH là 28 năm 2 tháng  
 có hệ số phụ cấp khu vực là 0,7  
 Hường bậc 9 (4,98) từ ngày 01/5/2017

	Nội dung chi tiết	Từ tháng	Đến tháng	Hệ số lương	PC VK	PC CV	Số tháng	Năm	Lương TT	Mức lương theo ngạch	Thành tiền
1	2	3	4	5		6	7	8	9		10
1	Tiền lương tháng hiện hưởng:			4,98				2017	1.210.000		6.025.800
2	Tiền lương tháng để tính trợ cấp:										-
		2	6	4,32			5	01/2013	1.050.000	4.536.000	22.680.000
		7	12	4,32			6	07/2013	1.150.000	4.968.000	29.808.000
		1	4	4,32			4	01/2014	1.150.000	4.968.000	19.872.000
		5	12	4,65			8	05/2014	1.150.000	5.347.500	42.780.000
		1	12	4,65			12	01/2015	1.150.000	5.347.500	64.170.000
		1	4	4,65			4	01/2016	1.150.000	5.347.500	21.390.000
		5	12	4,65			8	05/2016	1.210.000	5.626.500	45.012.000
		1	4	4,65			4	01/2017	1.210.000	5.626.500	22.506.000
		5	6	4,98			2	05/2017	1.210.000	6.025.800	12.051.600
		7	12	4,98			6	07/2017	1.300.000	6.474.000	38.844.000
		1	1	4,98			1	01/2018	1.300.000	6.474.000	6.474.000
	<b>Tổng cộng</b>						<b>60</b>				<b>325.587.600</b>

### NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI (Đóng BHXH đủ 20 năm)

*	Lương bình quân 5 năm			5.426.460
	- Trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm về hưu trước tuổi:	(06 tháng +02 tháng)	8 tháng	43.411.680
	- Trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu đóng BHXH		5	27.132.300
	- Trợ cấp mỗi năm 1/2 tháng tiền lương từ năm 21:	8 năm 2 tháng ~ 8x1/2	4 tháng	21.705.840
	<b>Tổng số tiền được lãnh:</b>			<b>92.249.820</b>

## BẢNG TÍNH TRỢ CẤP CỦA VÍ DỤ 2

(Đính kèm Hướng dẫn số 202/HD-PNV ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Phòng Nội vụ)

NGUYỄN VĂN Đ 55 tuổi 8 tháng nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01 tháng 02 năm 2018  
 Viên chức loại A2 nhóm 1 Thời gian công tác đóng BHXH là 33 năm 9 tháng (20 năm + 13 năm 9 tháng) ~ 34 năm  
 3 năm lên lương 1 lần (0,34/lần) Hưởng bậc 3(5,08) từ ngày 01/5/2017

	Nội dung chi tiết	Từ tháng	Đến tháng	Hệ số lương	PC VK	PC CV	Số tháng	Năm	Lương TT	Mức lương theo ngạch	Thành tiền
1	2	3	4	5		6	7	8	9		10
1	Tiền lương tháng hiện hưởng:			5,08		0,4		2017	1.210.000		6.630.800
2	Tiền lương tháng để tính trợ cấp:										
		2	6	4,4			5	01/2013	1.050.000	4.620.000	23.100.000
		7	12	4,4			6	07/2013	1.150.000	5.060.000	30.360.000
		1	6	4,4			6	01/2014	1.150.000	5.060.000	30.360.000
		7	12	4,74			6	01/2014	1.150.000	5.451.000	32.706.000
		1	12	4,74			12	01/2015	1.150.000	5.451.000	65.412.000
		1	4	4,74			4	01/2016	1.150.000	5.451.000	21.804.000
		5	6	4,74			2	05/2016	1.210.000	5.735.400	11.470.800
		7	12	4,74		0,4	6	05/2016	1.210.000	6.219.400	37.316.400
		1	4	4,74		0,4	4	01/2017	1.210.000	6.219.400	24.877.600
		5	6	5,08		0,4	2	05/2017	1.210.000	6.630.800	13.261.600
		7	12	5,08		0,4	6	07/2017	1.300.000	7.124.000	42.744.000
		1	1	5,08		0,4	1	01/2018	1.300.000	7.124.000	7.124.000
	<b>Tổng cộng</b>						<b>60</b>				<b>340.536.400</b>

### NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI (Đóng BHXH đủ 20 năm)

* Lương bình quân 5 năm		5.675.607
- Trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm về hưu trước tuổi: (4 năm 4 tháng) ~ 4x3+1	13 tháng	73.782.887
- Trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu đóng BHXH	5	28.378.033
- Trợ cấp mỗi năm 1/2 tháng tiền lương từ năm 21: 19 năm 9 tháng ~ 14 năm x 1/2	7 tháng	39.729.247
<b>Tổng số tiền được lãnh:</b>		<b>141.890.167</b>

## BẢNG TÍNH TRỢ CẤP CỦA VÍ DỤ 4

(Đính kèm Hướng dẫn số 202/HD-PNV ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Phòng Nội vụ)

**NGUYỄN THỊ E**

47 tuổi      thôi việc từ ngày 01 tháng 02 năm 2018

Thời gian công tác có đóng BHXH 18 năm 9 tháng ~ 19 năm

Hưởng ngạch nhân viên bậc 8 (2,76) từ ngày 01/5/2015

	Nội dung chi tiết	Từ tháng	Đến tháng	Hệ số lương	PC VK	PC CV	Số tháng	Năm	Lương TT	Mức lương theo ngạch	Thành tiền
1	2	3	4	5		6	7	8	9		10
1	Tiền lương tháng hiện hưởng:			2,76				2017	1.210.000		3.339.600
2	Tiền lương tháng để tính trợ cấp:										
		2	4	2,4			3	01/2013	1.050.000	2.520.000	7.560.000
		5	6	2,58			2	01/2013	1.050.000	2.709.000	5.418.000
		7	12	2,58			6	07/2013	1.150.000	2.967.000	17.802.000
		1	6	2,58			6	01/2014	1.150.000	2.967.000	17.802.000
		7	12	2,58			6	01/2014	1.150.000	2.967.000	17.802.000
		1	4	2,58			4	01/2015	1.150.000	2.967.000	11.868.000
		5	12	2,76			8	01/2015	1.150.000	3.174.000	25.392.000
		1	4	2,76			4	01/2016	1.150.000	3.174.000	12.696.000
		5	6	2,76			2	05/2016	1.210.000	3.339.600	6.679.200
		7	12	2,76			6	05/2016	1.210.000	3.339.600	20.037.600
		1	4	2,76			4	01/2017	1.210.000	3.339.600	13.358.400
		5	6	2,94			2	05/2017	1.210.000	3.557.400	7.114.800
		7	12	2,94			6	07/2017	1.300.000	3.822.000	22.932.000
		1	1	2,94			1	01/2018	1.300.000	3.822.000	3.822.000
	<b>Tổng cộng</b>						<b>60</b>				<b>190.284.000</b>

### NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI (Đóng BHXH đủ 20 năm)

* Lương bình quân 5 năm			3.171.400
- Trợ cấp 03 tháng tìm việc :	Lương tại thời điểm tháng 01/2018: 3.588.000	3 tháng	10.764.000
- Trợ cấp thôi việc	1,5 x 19 năm	28,50	90.384.900
<b>Tổng số tiền được lãnh:</b>			<b>101.148.900</b>